

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **168/2025/HS-PT**

Ngày: 31-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 482/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Hoàng Minh H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 139/2024/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Minh H, sinh năm 1987, tại Đồng Nai; HKTT và nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Chí N, sinh năm 1950 và bà Trần Thị C, sinh năm 1959; bị cáo có chồng là Trần Văn H, sinh năm 1983; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh ngày 18/5/2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Quốc V – Công ty luật G - Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Minh H và chị Phạm Thị H1 (sinh năm: 1977, HKTT: Xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai) có quan hệ quen biết từ trước. Khoảng đầu tháng 4/2019, do cần tiền để mở rộng việc buôn bán dụng cụ câu cá, H hỏi mượn chị H1 số tiền

khoảng 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Để giao tiền, chị H1 thỏa thuận với H phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của H sang tên cho chị H1.

H biết mình không có khả năng đáp ứng theo thỏa thuận nên đã nảy sinh ý định sử dụng các giấy tờ giả theo yêu cầu của chị H1 để mượn tiền. Đầu tháng 4/2019, Hoàng Minh H lên mạng internet tìm kiếm cách sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và liên lạc được một người (giới tính: nam, không biết họ tên, địa chỉ) qua số điện thoại mà H tìm thấy trên mạng (hiện H không nhớ số điện thoại), người nhận làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H với giá 15.000.000 đồng, H đồng ý. Sau đó, H chụp thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C (mẹ ruột của H) gửi cho người nhận làm giúp thành tên của mình. Khoảng 02 tuần thì có số điện thoại gọi cho H đến trước bưu điện Dầu Giây nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CO 225316, có họ tên Hoàng Minh H quyền sử dụng đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, tại xã N (nay là thị trấn B), H nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kiểm tra, giao tiền rồi về nhà. Đến ngày 20/4/2019, H liên lạc số điện thoại cho người đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 225316 trước đó cho mình tiếp tục nhờ làm giúp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. H cung cấp đầy đủ thông tin cho người làm giúp, rồi nhận file qua mạng và in ra 01 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 20 tháng 04 năm 2019, bên chuyển nhượng là Hoàng Minh H, bên nhận chuyển nhượng là Phạm Thị H1 rồi H mang đến nhà chị H1 để cả hai cùng ký tên, điểm chỉ. Sau đó, H liên lạc lại với người làm hợp đồng, giao lại hợp đồng nói trên đã được H và chị H1 ký tên cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) rồi về nhà chờ. Khoảng 02 giờ sau, H nhận lại được hợp đồng tại trước bưu điện Dầu Giây, hợp đồng có thêm chữ ký đề tên Vũ Đức T - Phó chủ tịch UBND xã N, hình dấu tròn của UBND và lời chứng của UBND xã N. Hằng trả tiền 500.000 đồng rồi đi về nhà.

Vào ngày 21/4/2019, H đã sử dụng các giấy tờ trên đến chợ Dầu Giây giao cho chị H1 để chị H1 cho H mượn tiền. Chị H1 nhận các giấy tờ, tin tưởng là các giấy tờ thật, hợp pháp và nói rằng cho chị H1 thời gian để chị H1 gom tiền mới cho H mượn được. Cùng ngày 21/4/2019, chị H1 đến nhà anh Vũ Đức T - Phó chủ tịch UBND xã N đưa cho anh T xem lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà H giao, anh T phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có dấu hiệu làm giả nên đã tạm giữ, báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất xử lý. (Bút lục 110, 111; 112 ; 129, 130; 131, 132).

Kết quả trưng cầu giám định:

Kết luận giám định số: 471/KLGD ngày 31/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: "1 - Hình dấu tròn Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (được Phòng PC09 đóng dấu ký hiệu A) với hình dấu tròn Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Đồng Nai trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (được Phòng PC09 ký hiệu từ M1 đến M5) **không phải do cùng một con dấu đóng ra**. 2 - Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc T trên tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định

(được Phòng PC09 đóng dấu ký hiệu A) với chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc T trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (được Phòng PC09 ghi ký hiệu từ M1 đến M5) **không phải do cùng một người ký ra**".(Bút lục 50)

- Kết luận trưng cầu giám định tài liệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Hoàng Minh H, bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị H1 đề ngày 20/9/2019, có chữ ký đề tên Vũ Đức T - Phó chủ tịch UBND xã N, lời chứng và hình dấu tròn của UBND xã N: tại Kết luận giám định số: 473/KLGĐ ngày 31/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: "1. Hình dấu tròn U.B.N.D XA N trên tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (được Phòng PC09 đóng dấu ký hiệu A) với hình dấu tròn U.B.N.D XÃ N trên tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (được Phòng PC09 đóng dấu ký hiệu từ M1 đến M5) **không phải do cùng một con dấu đóng ra**. 2. Chữ ký mang tên Vũ Đức T trên tài liệu nêu ở phần Mẫu cần giám định (được Phòng PC09 đóng dấu ký hiệu A) với chữ ký mang tên Vũ Đức T trên tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (được Phòng PC09 đóng dấu ký hiệu từ M1 đến M5) **không phải do cùng một người ký ra**".(Bút lục 54)

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Hoàng Minh H, số: A, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/07/2016, đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 55, tại xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Hoàng Minh H, bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị H1 đề ngày 20/9/2019, có chữ ký đề tên Vũ Đức T - Phó chủ tịch UBND xã N, lời chứng và hình dấu tròn của UBND xã N.

Toàn bộ vật chứng thu giữ chuyển theo hồ sơ vụ án.

Phần dân sự: Chị Phạm Thị H1 không thiệt gì về tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2024/TB-TA ngày 11/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và các Điều 15, 46, 55, 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Minh H 01 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 năm tù". Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/10/2024, bị cáo Hoàng Minh H gửi đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án do cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Hoàng Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được áp dụng, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp. Bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào khác, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của người bào chữa: Bị cáo H có sử dụng tài liệu giả, nhưng mục đích để vay tiền, không có ý định chiếm đoạt tiền của bị hại, tức không thực hiện hành vi trái pháp luật. Bị cáo cũng chưa nhận tiền, bị hại chưa bị thiệt hại nên không đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cấp sơ thẩm không tuyên hủy tài liệu giả là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Hoàng Minh H gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Bị cáo thừa nhận dùng giấy tờ giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 150, tờ bản đồ số 55, xã N nay là thị trấn B, huyện T cùng hợp đồng chuyển nhượng thửa đất này để bị hại là Phạm Thị H1 tin tưởng cho vay số tiền 80.000.000đ. Chị H1 sau đó đi kiểm tra giấy chứng nhận và hợp đồng phát hiện là giả nên hành vi của bị cáo bị phát hiện, chị H1 chưa đưa tiền, bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của chị H1 là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Căn cứ vào lời khai bị hại, kết quả trưng cầu giám định và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ, cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật.

[3] Về kháng cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, cấp sơ thẩm khi xem xét việc bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, đang nuôi con nhỏ là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, căn cứ khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp. Đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02

năm 06 tháng tù. Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chưa thật sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thể hiện bị cáo khai chỉ biết giấy chứng nhận và hợp đồng chuyển nhượng là tài liệu giả sau khi bị hại phát hiện. Tại cấp phúc thẩm bị cáo thừa nhận nhờ người khác làm giả để đưa cho bị hại, thể hiện bị cáo thật sự hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.3] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo phạm nhiều tội, hình phạt áp dụng được tổng hợp, buộc chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có một phần phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên.

[5] Quan điểm của Luật sư bào chữa: Hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên. Đối với ý kiến của Luật sư về việc không tiêu hủy tài liệu giả, bị cáo không kháng cáo nội dung này. Giấy chứng nhận và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả hiện lưu giữ trong hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, phải lưu hồ sơ vụ án theo như án sơ thẩm đã tuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Minh H, sửa một phần hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2024/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2024/TB-TA ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và các Điều 15, 55, 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án.

3. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Thống Nhất;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hưng